TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **333**/2023/HC-PT
Ngày: 18/5/2023
"V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc
Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình
Ông Phan Văn Yên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 936/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2021/HC-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 542/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Roãn Kim K**, sinh năm 1964; Địa chỉ: phường N, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: phường R, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thành phố V**;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Vũ T – Chức vụ: Chủ tịch

(Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Thanh P** -Chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Phường X, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh năm 1963; Địa chỉ: phường N, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Roãn Kim K có phần diện tích đất nguồn gốc từ việc cha ông K khai hoang. Gia đình ông đã canh tác và sử dụng từ năm 1975, đến năm 1984, khi ông K lập gia đình, ông K được cha cho phần đất này và sử dụng liên tục đến nay, không có ai tranh chấp. Đất đã kê khai đăng ký, có tên trong Sổ mục kê, Sổ đăng ký ruộng đất, Bản đồ địa chính và được UBND Phường Y cũ (nay là phường N) thành phố V cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 865/P9/ĐKRĐ ngày 15/08/1990.

Ngày 26/06/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 2838/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.650,20m^2 đất của ông K để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường N, thành phố V. Cùng ngày 26/06/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2841/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Roãn Kim K *(gọi là Quyết định 2841).* UBND thành phố V thu hồi của gia đình ông K 1.650,20m^2 đất, nhưng tại phần 1 Điều 1 Quyết định 2841 chỉ bồi thường 1.350,20m^2 đất cho ông K theo giá đất 2.817.000đ/01m^2 được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 06/11/2017; không bồi thường diện tích đất 300m^2, vì cho rằng đất có nguồn gốc do Trung đoàn E261 đăng ký thửa 162, tờ bản đồ số 02 cũ trong sổ mục kê năm 1990.

Nay ông K khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố V với lý do sau:

- Đối với diện tích 300m^2 không được bồi thường, hỗ trợ.

Gia đình ông K trực tiếp khai phá sử dụng liên tục, không có ai tranh chấp đối với 300m^2 từ năm 1975 đến nay, đất đã kê khai đăng ký đất, có tên trong: Sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ địa chính và được UBND Phường Y cũ (nay là phường N), thành phố V cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 865/P9/ĐKRĐ ngày 15/08/1990.

Gia đình ông K sử dụng đất từ trước tới nay không bị Trung đoàn E 261 tranh chấp, trên đất cũng không có mốc giới thể hiện đây là phần đất của Trung đoàn E 261. Mặt khác, gia đình ông K cũng không bị bất cứ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào thông báo về việc lấn chiếm đất công, cũng như bị lập biên bản xử lý, xử phạt về hành vi lấn chiếm.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố V cho rằng 300m^2 do Trung đoàn E261 đăng ký thửa 162, tờ bản đồ số 02 cũ trong sổ mục kê năm 1990 để không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông K là không đúng pháp luật và thực tế sử dụng đất. Do đó, gia đình ông K có đầy đủ cơ sở và điều kiện theo quy định pháp luật để được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 300m^2 đất còn thiếu.

- Đối với giá đất để tính bồi thường được phê duyệt từ năm 2017.

Tại Quyết định số 2841, Ủy ban nhân dân thành phố V áp dụng giá đất 2.817.000đồng/01m^2 để tính bồi thường căn cứ theo giá đất được phê duyệt từ ngày

06/11/2017 tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND của UBND tỉnh B, tức là giá đất được phê duyệt từ hơn 02 năm trước đó.

Do đó, giá đất được áp dụng tại Quyết định số 2841 không phù hợp với nguyên tắc giá đất tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013 và theo căn cứ mục 7, phần II của Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05: Quy trình thẩm định giá (Ký hiệu: TĐGVN 05) Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 của Bộ Tài chính thì thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá tối đa không quá 6 (sáu) tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực.

Vì vậy, Quyết định số 2841 chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông K trong quá trình nhà nước thu hồi đất.

Ngày 28/12/2020, ông K có Đơn khởi kiện; ngày 14/01/2021 có Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hủy nội dung: *"Diện tích đất bồi thường 1.350,20m^2 và diện tích đất chưa bồi thường 300,00m^2"* tại phần 1 Điều 1 và nội dung: *"Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.350,20m^2 đất nông nghiệp vị trí 2, đường loại 4 với đơn giá là 2.817.000 đồng/m^2"* tại Mục A/ phần 1 Điều 1 Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/06/2020 của của Ủy ban nhân dân thành phố V *"Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Roãn Kim K, địa chỉ số 66, Đống Đa, phường N, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường N, thành phố V"*.

- Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bồi thường diện tích đất 1.350,2m^2 theo đơn giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường bổ sung cho ông K.

- Tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 300m^2 đất còn thiếu theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông K.

***Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:**

Hộ ông Roãn Kim K có diện tích đất bị thu hồi 1.650,20m^2. Ngày 26/6/2020, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 2841/QĐ-UBND và Quyết định số 2838/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Roãn Kim K, theo đó bồi thường 1.350,20m^2 đất nông nghiệp vị trí 2, đường loại 4 thuộc diện tích đất do gia đình ông K khai phá và chưa bồi thường, hỗ trợ 300m^2 do phần diện tích đất này có nguồn gốc là đất Quốc phòng.

Giá đất tính bồi thường cho hộ ông K thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường N đã được UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 06/11/2017.

Việc khảo sát, xác định, đề xuất giá cụ thể do đơn vị tư vấn lập dựa trên cơ sở các quy định khoản 3, 4 Điều 115 và khoản 2 Điều 116 Luật Đất đai năm 2013 và được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của Tỉnh thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ký ban hành. Do đó, việc áp giá để tính bồi thường về đất cho hộ ông K theo giá đất cụ thể tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Phần diện tích đất thu hồi còn lại 300m^2 chưa bồi thường, hỗ trợ do phần diện tích đất này có nguồn gốc đất quốc phòng hiện nay Nhà nước quản lý (Trung đoàn EZ đã đăng ký trong Sổ mục kê năm 1990 tại thửa 162 cũ, tờ bản đồ số 02 cũ). Ông K tự ý sử dụng nên không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Từ cơ sở trên, UBND thành phố V đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Roãn Kim K và giữ nguyên nội dung Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND thành phố V.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là quan - bà Nguyễn Thị Ngọc N2 trình bày:** Bà N2 đồng ý với nội dung, các yêu cầu của việc khởi kiện của ông Roãn Kim K và cũng là quan điểm giải quyết vụ án của bà N2. Đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của bà N2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N2.

***Người làm chứng là Trung đoàn Z trình bày:**

Căn cứ vào Nghị định số 09/CP ngày 12/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ vào Công văn số 882/QĐ ngày 20/3/2003 của Bộ Quốc phòng về việc chuyển giao đất quốc phòng của Quân chủng PK-KQ tại Phường Y, thành phố V cho UBND tỉnh B. Căn cứ vào công văn số 259/UB-VP ngày 16/01/2003 của UBND tỉnh B về việc xin tiếp nhận khu đất quốc phòng do Quân chủng PK-KQ quản lý tại Phường Y, thành phố V để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Căn cứ vào quyết định 702/QĐ-TTg ngày 03/7/2003 của Chính phủ do Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký.

Căn cứ vào Biên bản cuộc họp giữa Quân chủng PK-KQ và UBND tỉnh B số 02/BB-QB lúc 14h00 ngày 12/5/2003.

- Ngày 12/8/2003 Quân chủng PK-QK đã tiến hành bàn giao khu đất Tiểu đoàn 95 Trung đoàn 261/Sư đoàn 367/Quân chủng PK-KQ cho UBND tỉnh B. Diện tích đất bàn giao theo Quyết định số 702/QĐ-TTg ngày 03/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ -Tổng diện tích đất là 231.966m^2 cả d95/e261/f367 cho UBND tỉnh B tại Chí Linh Phường Y và Phường I, cùng toàn bộ hồ sơ liên quan đến khu đất trên.

Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh, nay Trung đoàn TL261 không lưu giữ tờ bản đồ số 02 cũ có thửa 162 thuộc sổ mục kê năm 1990. Trung đoàn 261 thông báo để Tòa án tỉnh biết, xem xét, phối hợp, đề nghị các cơ quan chức năng địa phương có liên quan đến nguồn gốc, việc quản lý, sử dụng 300m^2 đất do ông K khởi kiện (mà d95/e261/f367 quản lý trước đây) cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật).

***Người làm chứng là bà Nguyễn Thị D trình bày:** Bà Nguyễn Thị D là hàng xóm với gia đình ông K, không có quan hệ bà con gì, bà D về sống ở đây khoảng năm 1992-1993 thì đã thấy gia đình ông K sử dụng đất này trong đó có 300m^2 đất mà Tòa án thẩm định.

***Người làm chứng là ông Nguyễn Hữu T3 trình bày:** Ông Nguyễn Hữu T3 trình bày ông là hàng xóm với gia đình ông K, không có bà con gì, ông T3 về sống ở đây khoảng năm 1989 thì đã thấy gia đình ông K sử dụng khu đất này có hàng rào, đất dùng nuôi cá, trồng cây lâu năm, sau đó nuôi gà vịt, sử dụng ổn định đến nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2022/HC-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Roãn Kim K.

- Hủy nội dung: *"Diện tích đất bồi thường 1.350,20m^2 và diện tích đất chưa bồi thường 300m^2"* tại phần 1 Điều 1 và nội dung: *"Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.350,2m^2 đất nông nghiệp vị trí 2, đường loại 4 với đơn giá là 2.817.000 đồng/m^2"* tại Mục A/phần 1 Điều 1 Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Roãn Kim K, địa chỉ số 66, đường Đống Đa, phường N, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường N, thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 300m^2 đất còn thiếu tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/06/2020 của của Ủy ban nhân dân thành phố V, theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông K.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường diện tích đất 1.350,2m^2 theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường bổ sung cho ông K theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Ngày 10/01/2022 Ủy ban nhân dân thành phố V có đơn kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm với lý do:

Đối với diện tích 300m² đất đã thu hồi không bồi thường do đất thuộc sử dụng của Quân đội, ông Roãn Kim K không đủ điều kiện được bồi thường.

Phần diện tích 1.350,2m² đã áp dụng giá đất theo giá đất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định là phù hợp

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Thanh P trình bày: Phần đất có diện tích 300m² ông Roãn Kim K không đủ điều kiện được nhận bồi thường, do phần đất này thuộc quyền sử dụng, quản lý của Quân đội không nằm trong các thửa đất mà ông K đăng ký quyền sử dụng, qua đối chiếu thửa đất thuộc thửa 162 tờ bản đồ số 02 có từ tài liệu bản đồ năm 1991 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm về việc bồi thường bổ sung cho ông K đối với diện tích này. Ủy ban Nhân dân Thành phố V cũng đã có văn bản đề nghị bồi thường hỗ trợ bổ sung cho ông Roãn Kim K và một số hộ dân sử dụng đất tương tự như ông K như Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có văn bản trả lời.

- Về giá bồi thường: giá đất tỉnh bồi thường cho họ ông K đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể tại quyết định 3239 ngày 6 tháng 11 năm 2017. Việc khảo sát, xác định, đề xuất giá cụ thể do đơn vị tư vấn độc lập thực hiện và đã được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh thẩm định trước khi trình Ủy ban Nhân dân tỉnh ký ban hành. Do đó, giá đất bồi thường cho hộ ông K là đúng quy định pháp luật.

- Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Roãn Kim K.

- *Ông Nguyễn Văn H đại diện cho người khởi kiện trình bày:* Đối với việc bồi thường Ủy ban áp dụng theo chứng thư thẩm định giá đã hết hiệu lực để làm căn cứ xem xét bồi thường cho ông K là trái quy định, phần đất này ông K cũng sử dụng ổn định lâu dài không ai tranh chấp, việc các cơ quan không có thông tin để lồng ghép các bản đồ để kiểm tra lại nhưng cho rằng đất này thuộc quyền quản lý của Quân đội là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của UBND TP V làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Ủy ban nhân dân thành phố V ra Quyết định bồi thường và thu hồi đất của ông K, tuy nhiên Ủy ban quyết định về giá áp dụng giá năm 2017 việc thu hồi được thực hiện năm 2020 vì vậy là không đúng quy định. Đối với diện tích 300m² thì Ủy ban cho rằng Phường đã xác định đất này nằm ngoài diện tích đất của ông K được Ủy ban cấp, tuy nhiên việc áp ranh chưa được thực hiện đúng quy định, ông K đã sử dụng đất này để xây dựng chuồng trại trên đất lâu dài ổn định và không ai tranh chấp. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

2. Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N2 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

3. Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Về phần 300m² đất không được bồi thường: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày; Ủy ban Nhân dân Thành phố V có quyết định số 2838 thu hồi 1.650,20m² đất nhưng chỉ bồi thường 1350,20m² đất, phần 300m² ghi nhận trong Quyết định là "chờ UBND tỉnh có văn bản đồng ý hỗ trợ" là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K. Như cấp sơ thẩm đã nhận định phần diện tích đất này ông Roãn Kim K sử dụng từ trước năm 1993. Người bị kiện cho rằng đất được giao cho Sư đoàn G. Tuy nhiên, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện cũng không cung cấp bản sao Quyết định số 331/QĐ-TM mà trình bày đã nộp cho Tòa án cấp cao trong một vụ án hành chính phúc thẩm khác. Tại thời điểm thu hồi đất, UBND Thành phố V chỉ căn cứ văn bản của UBND phường N , sổ mục kê năm 1990 mà không xác minh quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định trách nhiệm bồi thường khi thu hồi đất là vi phạm Luật Đất đai.

Về giá bồi thường: Như các sơ thẩm đã nhận định, Ủy ban nhân dân Thành phố V ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ năm 2020 áp dụng giá đất cụ thể năm 2017 là vi phạm khoản 2 điều 74 Luật đất đai 2013.

Tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ, tình tiết lý lẽ gì mới. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham dự phiên tòa bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm

Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo, Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí phúc thẩm

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 230 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo Ủy ban nhân dân thành phố V; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 67/2021/HC-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 69, Khoản 2 Điều 74, Khoản 1 Điều 75, Khoản 2 Điều 77, Khoản 3 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Roãn Kim K.

- Hủy nội dung: *"Diện tích đất bồi thường 1.350,20m^2 và diện tích đất chưa bồi thường 300m^2"* tại phần 1 Điều 1 và nội dung: *"Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.350,2m^2 đất nông nghiệp vị trí 2, đường loại 4 với đơn giá là 2.817.000 đồng/m^2"* tại Mục A/ phần 1 Điều 1 Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Roãn Kim K, địa chỉ số 66, đường Đống Đa, phường N, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường N, thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích 300m^2 đất còn thiếu tại Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 26/06/2020 của của Ủy ban nhân dân thành phố V, theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông K.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường diện tích đất 1.350,2m^2 theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường bổ sung cho ông K theo quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Roãn Kim K không phải nộp, trả lại cho ông Roãn Kim K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007390 ngày 24-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000 đồng

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000579 ngày 07/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ghi nhận đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
-TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, LPLT, (ĐHV)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Tô Ngọc